

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2026/DS-ST

Ngày: 30-3-2026

“V/v Tranh chấp dân sự

- Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ong Thị Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Kiều

2. Ông Nguyễn Hồng Thơ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2026/TLST-DS, ngày 12 tháng 01 năm 2026, về việc “*Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2026/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2026/QĐST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ trụ sở: Số 286-288, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường X, Thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, Chức vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Đức Thạch D: Ông Ngô Thanh T - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Đ - Ngân hàng TMCP S (Theo Giấy ủy quyền số 1184/2025/QĐ-PC ngày 15/04/2025 của Tổng giám đốc Ngân hàng S về việc ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng);

Người đại diện theo ủy quyền ông Ngô Thanh T: Bà Đỗ Thị Bé N, sinh năm 1985 - Chuyên viên Kiểm soát rủi ro, Phòng Kiểm soát rủi ro và Tuân thủ - Chi nhánh Đ (Giấy ủy quyền số 18/GUQ-CNĐT ngày 15/01/2026); Địa chỉ nhận thông báo: Số 56, Nguyễn H, phường C, tỉnh Đ. (có mặt)

- **Bị đơn:** Lý Thị C, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số nhà 808, tổ 23, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đ (nay là phường C, tỉnh Đ). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, người đại diện ủy quyền nguyên đơn trình bày:

Bà Lý Thị C đã ký hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP S cụ thể như sau: Theo Đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân số 3368999 ngày 24/7/2024, hạn mức cấp 30.000.000 đồng, lãi suất 29.8%/năm, quá trình thực hiện thực hiện hợp đồng bà Lý Thị C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên ngày 05/8/2025 Ngân hàng TMCP S đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 05/9/2025, bà Lý Thị C đã nợ Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 34.949.834 đồng (cụ thể, dư nợ gốc 33.655.088 đồng và lãi quá hạn 1.294.746 đồng). Nay Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lý Thị C phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 05/9/2025 là 34.949.834 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, bà Đỗ Thị Bé N trình bày: Sau khi ký kết Hợp đồng vay (Đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân) số 3368999 ngày 24/7/2024, hạn mức cấp 30.000.000 đồng, lãi suất 29.8%/năm, bà C đã rút tiền vay trong tài khoản vào ngày 05/8/2024. Quá trình thực hiện hợp đồng vay đến ngày 05/6/2025 bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nên ngày 05/8/2025 tổng số tiền vay và lãi trong hạn đã chuyển sang lãi quá hạn. Tính đến ngày 30/6/2026 bà C đã nợ Ngân hàng tổng cộng số tiền vay và lãi là 43.511.864 đồng (bốn mươi ba triệu năm trăm mười một nghìn tám trăm sáu mươi bốn đồng) (trong đó, tiền vay là 30.000.000 đồng, lãi trong hạn 3.655.088 đồng, lãi quá hạn là 9.856.776 đồng) (có bảng kê tính lãi kèm theo).

Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà C thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ và đã thông báo bằng văn bản về việc thu hồi nợ và nộp đơn khởi kiện cho bà C biết nhưng bà C vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ. Nay Ngân hàng vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà C thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền vay và lãi tính đến ngày 30/6/2026 là 43.511.864 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 31/3/2026 theo thỏa thuận của hợp đồng cho đến khi thi hành xong khoản nợ.

Ngân hàng TMCP S không yêu cầu cá nhân, cơ quan tổ chức nào cùng liên đới thanh toán số tiền vay và lãi theo hợp đồng tín dụng với bà C, không cung cấp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đối với bị đơn bà Lý Thị C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng, không gửi văn bản ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay và lãi theo hợp đồng tín dụng nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về dân sự hợp đồng tín dụng. Tranh chấp về hợp đồng dân sự giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và bị đơn có nơi cư trú tại phường C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu và căn cứ khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng (Đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân) số 3368999 ngày 24/7/2024 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và bà Lý Thị C, hạn mức cấp 30.000.000 đồng, lãi suất 29.8%/năm, bà C đã rút tiền vay trong tài khoản thẻ vào ngày 05/8/2024. Quá trình thực hiện hợp đồng vay đến ngày 05/6/2025 bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 30/6/2026 tổng số tiền vay là lãi bà Chính đã nợ Ngân hàng TMCP S Tín là 43.511.864 đồng (bốn mươi ba triệu năm trăm mười một nghìn tám trăm sáu mươi bốn đồng) (có bảng kê tính lãi kèm theo).

[2.2] Xét thấy, hợp đồng tín dụng được các bên giao kết trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật, lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do đó, hợp đồng nêu trên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

[3] Về phía bị đơn bà Lý Thị C, bà C không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp làm căn cứ giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định ngoài các chứng cứ đã nộp cho Tòa án, nguyên đơn không cung cấp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ và không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

[4] Nguyên đơn không yêu cầu cá nhân, tổ chức nào khác liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cùng với bị đơn. Nguyên đơn cam kết và xác định bị đơn đã nhận được thông báo khởi kiện và thu hồi nợ từ Ngân hàng TMCP S, bị đơn hiện đang sinh sống tại địa chỉ theo đơn khởi kiện, bị đơn cố tình không hợp tác, không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

[5] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ xác định quá trình thực hiện

Hợp đồng tín dụng (Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân) số 3368999 ngày 24/7/2024 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và bà Lý Thị C. Bị đơn bà Lý Thị C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mặc dù Ngân hàng TMCP S đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ nhưng bị đơn không thực hiện. Tính đến ngày 30/6/2026 tổng số tiền vay là lãi bà C đã nợ Ngân hàng TMCP S Tín là 43.511.864 đồng (bốn mươi ba triệu năm trăm mười một nghìn tám trăm sáu mươi bốn đồng). Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà Lý Thị C trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền vay và lãi là 43.511.864 đồng (bốn mươi ba triệu năm trăm mười một nghìn tám trăm sáu mươi bốn đồng) và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận của hợp đồng kể từ ngày 31/3/2026 cho đến khi thi hành xong.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 280, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Buộc bà Lý Thị C trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền vay và lãi là 43.511.864 đồng (bốn mươi ba triệu năm trăm mười một nghìn tám trăm sáu mươi bốn đồng) theo Hợp đồng tín dụng (Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân) số 3368999 ngày 24/7/2024 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và bà Lý Thị C.

Kể từ ngày 31/3/2026, bà Lý Thị Chính còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP S thì lãi suất mà bà Lý Thị C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S theo quyết định của

Toà án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP S.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 2.175.593 đồng.

Ngân hàng TMCP S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 874.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000049 ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Đ.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND KV6-ĐT;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ong Thị Ngọc Tâm